

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2023/DS-PT
Ngày 19 – 4 – 2023
V/v tranh chấp thừa kế quyền
sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế.

Bà Châu Minh Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Trung Biên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 16/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 294/2022/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hoàng T1, sinh năm: 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, C.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lê Thị H4, sinh năm: 1948 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, C.

Bà Lê Thị T3, sinh năm: 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh C ..

(Bà T3 ủy quyền cho ông T1 – Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2022).

Ông Lê Hoàng Ch (đã chết).

Người thừa kế quyền lợi, nghĩa vụ của ông Ch gồm:

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1954 (vợ ông Ch).

Đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Trọng N, sinh năm 1974 (Giấy ủy quyền ngày 23/3/2023)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, C.

Anh Lê Trọng N, sinh năm: 1974 (con ông Ch), (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, C.

Chị Lê Mỹ P2, sinh năm: 1975 (con ông Ch), (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, C.

Chị Lê Diễm T4, sinh năm: 1977 (con ông Ch), (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Trọng N, sinh năm 1974 (Giấy ủy quyền ngày 23/3/2023)

Anh Lê Văn D3, sinh năm: 1980 (con ông Ch).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, C.

(Anh D3 ủy quyền cho bà C – Văn bản ủy quyền ngày 28/7/2022).

Anh Lê Văn D4, sinh năm: 1981 (con ông Ch), (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, C.

Chị Lê Thúy E, sinh năm: 1983 (con ông Ch), (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, C.

Bà Lê Thị T1, sinh năm: 1955 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T1 gồm:

Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm: 1952 (chồng bà T1).

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh C.

Anh Nguyễn Văn K, sinh năm: 1977 (con bà T1).

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh C.

Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1979 (con bà T1).

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh C.

Chị Nguyễn Ngọc D2, sinh năm: 1981 (con bà T1), (có mặt).

Địa chỉ: Số 2B, đường 25, Khu n, khu vực 4, Phường A, Quận N, Thành phố

C.

Chị Nguyễn Mỹ H3, sinh năm: 1983 (con bà T1).

Địa chỉ: Khóm 10, thị trấn S, huyện T, tỉnh C.

(Tất cả ủy quyền cho chị D2 – Văn bản ủy quyền ngày 10, 19, 22/8/2022).

Bà Lê Thị L, sinh năm: 1959.

Địa chỉ 2545 S 8TH Street Philadelphia, PA 19148, USA.

Ông Lê Văn T5, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn S, huyện T, tỉnh C

Ông T5 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T6, sinh năm: 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn S, huyện T, tỉnh C

(Văn bản ủy quyền ngày 08/02/2022).

Ông Lê Văn T2, sinh năm: 1966.

Địa chỉ 2436 S 6TH Street Philadelphia, PA 19148, USA.

Ông Lê Văn H1, sinh năm: 1968.

Địa chỉ 2511 S Reese Street Philadelphia, PA 19148, USA.

(Bà L, ông T2, ông H1 ủy quyền cho ông T1 tham gia tố tụng).

Ông Lê Văn L1 (đã chết).

Người thừa kế quyền lợi, nghĩa vụ của ông Lâm gồm:

Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm: 1980 (vợ ông Lâm – bị đơn).

Anh Lê Nhựt H2, sinh năm: 2000 (có mặt).

Anh Lê Nhựt H3, sinh năm: 2004 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Ông Trần Chí G, sinh năm: 1972 (có mặt).

Bà Ngô Hồng P3, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị P1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập và tại phiên tòa, các đương sự trình bày như sau:

- Ông Lê Hoàng T1 trình bày: Cha ông là ông Lê Thành Lập, mẹ ông là bà Trần Thị Lan sinh được 10 người con gồm Lê Thị H4, Lê Thị T3, Lê Hoàng Ch, Lê Thị T1, Lê Thị L, Lê Hoàng T1, Lê Văn T5, Lê Văn T2, Lê Văn H1, Lê Văn L1. Lúc sinh thời, cha mẹ ông có tạo lập được một phần đất tổng diện tích hơn 32.000m². Năm 1995, cha ông được UBND huyện Trần Văn Thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 32.100m². Trong năm 2013, cha mẹ ông lần lượt chết mà không ai để lại di chúc. Sau khi cha mẹ ông chết thì phần đất trên vợ chồng Lê Văn L1 và Nguyễn Thị P1 tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 2015 ông Ch chết, ông Ch có vợ và 06 người con. Năm 2022 bà T1 chết, bà T1 có chồng và 04 người con. Năm 2020 ông Lâm chết, ông Lâm có vợ và 02 người con.

Tại phiên tòa, ông yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cha mẹ ông để lại thành 10 kỷ phần bằng nhau, ưu tiên cho bà P1 phần đất có nhà. Đối với phần đất được phân chia có dính đến mồ mã thì các anh, chị, em ông tự thỏa thuận sao cho phù hợp, không cắt xén nhà mồ. Phần đất trồng lúa được phân chia nối tiếp theo phần đất mặt tiền, nếu sử dụng không hiệu quả hoặc

không sử dụng được thì các anh, chị, em ông tự thỏa thuận trao đổi hoặc làm kỷ vật chứ không đồng ý phân chia bằng giá trị.

* Bà Nguyễn Thị P1 trình bày: Bà về sống với ông Lâm và ở trên phần đất này 22 năm nay. Khi còn sống, cha mẹ chồng bà đã cho đất cho các anh, chị chồng bà khi có gia đình riêng tư. Chỉ còn vợ chồng bà sống chung cha mẹ chồng đến khi qua đời và trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này đến nay. Bà chấp nhận phân chia thừa kế cho ông T1, ông T5 mỗi người 03 công tính từ mặt tiền đến mặt hậu. Ngoài ra bà không còn ý kiến nào khác.

Tại phiên tòa, bà cho rằng khi còn sống, cha mẹ chồng bà đã làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà nhưng hiện nay giấy tờ bị thất lạc chưa tìm thấy. Do đó, bà không thống nhất phân chia thừa kế theo yêu cầu của ông T1 và các anh, chị chồng bà. Đối với phần đất bà cầm cố cho vợ chồng ông G, khi nào có vàng bà sẽ chuộc lại.

- Bà Lê Thị H4; Bà Lê Thị T3, Bà Nguyễn Thị C, anh Lê Trọng N, chị Lê Mỹ P2, chị Lê Diễm T4, anh Lê Văn D3, Ông Nguyễn Văn D1, anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Ngọc D2, chị Nguyễn Mỹ H3 thống nhất theo lời trình bày của ông T1. Yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật, không đồng ý nhận bằng giá trị.

- Bà Lê Thị L, ông Lê Văn T2, ông Lê Văn H1 thống nhất theo lời trình bày của ông T1, các ông, bà yêu cầu được chia thừa kế theo quy định của pháp luật, phần các ông, bà được nhận sẽ giao lại cho ông T1 quản lý, sử dụng. Khi nào các ông, bà về Việt Nam sẽ tự định đoạt phần di sản được hưởng của mình hoặc thỏa thuận với ông T1.

- Bà Nguyễn Thị T6 đại diện cho ông Lê Văn T5 trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của ông T1, bà yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật, gia đình bà xin nhận hiện vật, không đồng ý nhận bằng giá trị.

- Ông Trần Chí G và bà Ngô Hồng P3 trình bày: Năm 2021, ông bà có nhận có phần đất sản xuất nông nghiệp của bà Nguyễn Thị P1 và các con bà P1, diện tích 17 công, giá 100 chỉ vàng 24K, thời hạn 10 năm. Sau khi nhận đất, ông bà san lấp, cải tạo cho đất bằng phẳng để trồng lúa. Trường hợp phần đất ông bà nhận cầm cố của bà P1 không bị phân chia thì ông, bà tiếp tục cầm cố để sử dụng. Nếu phân chia thừa kế thì ông, bà yêu cầu bà P1 phải trả lại cho ông bà 10 lượng vàng 24K và chi phí ủi đất cho bằng phẳng để làm ruộng là 10.000.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 294/2022/ DS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Trần Chí G và bà Ngô Hồng P3, tuyên xử: Hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất được xác lập ngày 15/12/2021 giữa ông Trần Chí G, bà Ngô Hồng P3 với bà Nguyễn Thị P1, anh Lê Nhựt H2, anh Lê Nhựt H3 là vô hiệu.

2. Buộc ông Trần Chí G và bà Ngô Hồng P3 giao trả toàn bộ phần đất đã cầm cố của bà P1, anh H5, anh H6 cùng các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất cho các thừa kế của ông Lập và bà Lan để tiến hành phân chia di sản thừa kế

theo pháp luật. Buộc bà Nguyễn Thị P1, anh Lê Nhựt H2, anh Lê Nhựt H3 có nghĩa vụ trả cho ông G và bà P3 100 chỉ vàng 24K.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông G và bà P3 đòi bà P1, anh H5, anh H6 trả số tiền 10.000.000đ.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng T1 và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Lê Thành Lập và bà Trần Thị Lan đối với phần đất có tổng diện tích 32.677,4m² theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 07/6/2022 của Công ty TNHH Một thành viên Tài nguyên – Môi trường Dân Phong, tại các thửa số 159, 160, tờ bản đồ số 13 và bản vẽ tách diện tích thửa đất ngày 11/11/2022, tại các thửa từ thửa 01 đến thửa 20, phần đất tọa lạc tại ấp Kinh Hăng A, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (kèm theo bản vẽ).

5. Buộc bà Nguyễn Thị P1, anh Lê Nhựt H2, anh Lê Nhựt H3 giao lại phần đất là di sản của ông Lập và bà Lan để phân chia thừa kế cho các thừa kế của ông Lập và bà Lan được thừa hưởng, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn D1, anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Ngọc D2, chị Nguyễn Mỹ H3 được nhận phần đất có tổng diện tích 3.176,7m² (thửa 1, 2), trong đó 1.188,4m² đất lập vườn; 2.058,3m² đất trồng lúa.

- Ông Lê Hoàng T1 được nhận phần đất có tổng diện tích 12.691,9m² (thửa 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10) trong đó 4.426,2m² đất lập vườn; 8.265,7m² đất trồng lúa.

- Ông Lê Văn H1 được nhận giá trị phần đất có tổng diện tích 3.173,8m² (giá trị thửa 5, 6) trong đó 1.108,8m² đất lập vườn; 2.065,5m² đất trồng lúa.

- Ông Lê Văn T2 được nhận giá trị phần đất có tổng diện tích 3.173,4m² (giá trị thửa 7, 8) trong đó 1.104,6m² đất lập vườn; 2.068,8m² đất trồng lúa.

- Bà Lê Thị L được nhận giá trị phần đất có tổng diện tích 3.169,6m² (giá trị thửa 9, 10) trong đó 1.100,2m² đất lập vườn; 2.069,4m² đất trồng lúa.

- Bà Nguyễn Thị P1, anh Lê Nhựt H2, anh Lê Nhựt H3 được nhận phần đất có tổng diện tích 3.657,6m² (thửa 11, 12), trong đó 300m² đất ở; 1.287,9m² đất lập vườn; 2.058,3m² đất trồng lúa.

- Bà Lê Thị H4 được nhận phần đất có tổng diện tích 3.294,9m² (thửa 13, 14), trong đó 1.224,8m² đất lập vườn; 2.070,1m² đất trồng lúa.

- Bà Lê Thị T3 được nhận phần đất có tổng diện tích 3.288,9m² (thửa 15, 16), trong đó 1.219,2m² đất lập vườn; 2.069,7m² đất trồng lúa.

- Ông Lê Văn T5 được nhận phần đất có tổng diện tích 3.283m² (thửa 17, 18), trong đó 1.214,2m² đất lập vườn; 2.068,8m² đất trồng lúa.

- Bà Nguyễn Thị C, anh Lê Trọng N, chị Lê Mỹ P2, chị Lê Diễm T4, anh Lê Văn D3, anh Lê Văn D4, chị Lê Thúy E được nhận phần đất có tổng diện tích 3.283,9m² (thửa 19, 20), trong đó 1.209,3m² đất lập vườn; 2.074,6m² đất trồng lúa.

6. Buộc ông Lê Hoàng T1 hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất là kỹ phần thừa kế cho: Bà Lê Thị L số tiền 106.090.000đ; ông Lê Văn T2 số tiền 106.248.000đ; ông Lê Văn H1 số tiền 106.317.000đ.

7. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Lê Hoàng T1 hoàn trả giá trị các cây trồng trên đất cho bà Nguyễn Thị P1 số tiền 35.629.000đ.

8. Buộc các đương sự có tên sau đây hoàn trả chi phí đo đạc và định giá cho ông T1 gồm: Ông D1 cùng các con ông D1 với bà T1 1.728.000đ; ông H1 1.727.000đ; ông T1 1.726.000đ; bà L 1.724.000đ; bà P1 1.990.000đ; bà H4 1.792.000đ; bà T3 1.789.000đ; ông T5 1.786.000đ; bà C cùng các con bà C với ông Ch 1.786.000đ. Chi phí còn lại ông T1 tự chịu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí đo đạc, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/12/2022, bà Nguyễn Thị P1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, nếu chia thừa kế thì phải trả công bồi đắp tôn tạo đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Hoàng T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. Bà Nguyễn Thị P1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa: Bà P1 xác định đất này cha mẹ chồng đã cho vợ chồng của bà ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án căn cứ các tài liệu chứng cứ thể hiện tại hồ sơ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 294/2022/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị P1 còn trong thời hạn luật định. Nội dung kháng cáo, bà P1 yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, lý do phần đất chia thừa kế được cha mẹ chồng cho 20 năm nay, về giấy tờ cho đã bị thất lạc nên không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn và người liên quan.

[2] Xét về nguồn gốc đất: Do ông Lê Thành Lập và bà Trần Thị Lan tạo lập, năm 1995 ông Lập được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa 358, 359, 360, tờ bản đồ 12 với tổng diện tích 32.100m². Tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 32.677,4m². Như vậy, về mặt pháp lý và trên thực tế thì phần diện tích đất này của ông Lập và bà Lan tạo lập và quản lý, sử dụng hợp pháp. Năm 2013 ông Lập và bà Lan chết không để lại di chúc. Phần đất này do vợ chồng ông Lê Văn L1 và bà Nguyễn Thị P1 tiếp tục quản lý, sử dụng đến nay.

[3] Xét lời trình bày của bà P1 cho rằng khi còn sống, cha mẹ chồng bà đã làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà, nhưng hiện nay giấy tờ bị thất lạc chưa tìm thấy là chưa có căn cứ. Bởi qua thu thập tài liệu về đăng ký biến động đất đai của ông Lập, được cơ quan chức năng trả lời chưa có đăng ký biến động đất đai đối với phần đất của ông Lập đứng tên. Vì vậy, toàn bộ diện tích đất nêu trên vẫn được xác định là di sản của ông Lập và bà Lan để lại. Ông Lập và

Lan chết không có di chúc, nên được phân chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Ông Lập và bà Lan có 10 người con.

[4] Trong tổng diện tích $32.677,4m^2$ thì mỗi kỷ phần được nhận là $3.267,74m^2$. Do phần đất có kích thước, diện tích không đồng đều nhau. Bên cạnh đó, trên phần đất có căn nhà kiên cố và khu mộ gia đình, nếu phân chia các kỷ phần bằng nhau thì sẽ ảnh hưởng phần căn nhà và khu mộ. Cho nên cấp sơ thẩm đã phân chia cho các thừa kế mỗi người đều có mặt tiền, mặt hậu, thuận tiện trong việc sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp là phù hợp. Mặt khác, ông Lâm và bà P1 là người trực tiếp chung sống với ông Lập và bà Lan nên việc cải tạo, sản xuất để chăm lo, cải thiện cuộc sống gia đình, gìn giữ, tôn tạo đất và chăm sóc, nuôi dưỡng ông Lập, bà Lan đến khi qua đời, đồng thời thờ cúng, hương khói cho ông Lập và bà Lan. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét công sức đóng góp, giữ gìn, tôn tạo của ông Lâm và bà P1 nên chia cho ông Lâm, bà P1 kỷ phần nhiều hơn các thừa kế khác là có cơ sở. Hiện ông Lâm đã chết nên những người thừa kế gồm vợ và con ông Lâm được hưởng phần này là phù hợp.

[5] Trong phần diện tích đất chia thừa kế có $300m^2$ đất ở và có căn nhà, cho nên tiếp tục giao cho bà P1 cùng các con toàn bộ quyền sử dụng đất và căn nhà là phù hợp với thực tế khách quan. Tuy nhiên tại phần nhận định của án sơ thẩm có nhận định giao căn nhà cho bà P1 và các con quản lý sử dụng, nhưng phần quyết định không tuyên giao căn nhà, là có thiếu sót nên cần được bổ sung phần quyết định là giao cho bà P1 và các con căn nhà trên phần đất được hưởng thừa kế.

[6] Đối với phần diện tích đất trồng lúa, nếu chia đều diện tích cho 10 kỷ phần bằng nhau thì các thửa đất không cân đối, mất thẩm mỹ, ảnh hưởng phần nào đến việc sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, các thừa kế đều cương quyết nhận bằng hiện vật, không nhận giá trị, sau khi được phân chia, sẽ tự thỏa thuận hoán đổi hay nhập thửa để sử dụng vào mục đích khác phù hợp với thực tế tại địa phương. Theo ông T1 và các anh, chị, em của ông thỏa thuận vị trí phân chia tính từ ranh giới giáp phần đất ông Bùi Văn Lượng đo qua, thứ tự là phần gia đình bà C, ông T1, bà T3, bà H4, gia đình bà P1, bà L, ông T1ận, ông H1, ông T5, gia đình ông D1. Như nhận định nêu trên, việc chia từng kỷ phần như vậy thì có kỷ phần sẽ ảnh hưởng đến khu mộ gia đình. Tuy nhiên, đối với người thừa kế là người Việt Nam định cư ở nước ngoài gồm bà L, ông T1ận, ông H1 chưa đủ điều kiện nhận thừa kế là quyền sử dụng đất theo Điều 179 của Luật Đất đai và chưa có nhu cầu sử dụng đất nên các ông, bà ủy quyền giao lại cho ông T1 quản lý, sử dụng. Do đó, ông T1 được nhận kỷ phần của bà L, ông T1ận, ông H1 và phải có nghĩa vụ trả giá trị các kỷ phần này lại cho bà L, ông T1ận, ông H1 là phù hợp. Để thuận tiện cho việc chăm sóc mồ mã cũng như nhận các kỷ phần thừa kế của bà L, ông T1ận, ông H1 đối với ông T1, theo đó vị trí và diện tích các kỷ phần được phân chia như sau: Phần gia đình ông D1 thửa 1, 2 là $3.176,7m^2$; phần ông T1 thửa 3, 4 là $3.175,1m^2$; phần ông H1 thửa 5, 6 là $3.173,8m^2$; phần ông T1ận thửa 7, 8 là $3.173,4m^2$; phần bà L thửa 9, 10 là $3.169,6m^2$; phần gia đình bà P1 thửa 11, 12 là $3.657,6m^2$; phần bà H4 thửa 13, 14 là $3.294,9m^2$; phần bà T3 thửa 15, 16 là $3.288,9m^2$; phần ông T5 thửa 17, 18 là $3.283m^2$; phần gia đình bà C thửa 19, 20 là $3.283,9m^2$. Như vậy, kỷ phần ông T1 được nhận của ông, bà L, ông T1ận, ông H1 gồm các thửa 3, 4, 5, 6,

7, 8, 9, 10 với tổng diện tích là 12.691,9m², trong đó có 4.426,2m² đất vườn, 8.265,7m² đất lúa. Xét thấy cấp sơ thẩm chia như trên cũng phù hợp với thực tế.

[7] Đối với các cây trồng trên đất, theo kết quả định giá có tổng giá trị là 35.629.000đ. Khi phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất sẽ nằm rải rác ở các kỷ phần khác nhau nhưng chưa xác định chính xác những cây gì nằm trên kỷ phần của ai được hưởng nên ông T1 đồng ý trả lại toàn bộ giá trị này cho bà P1. Xét thấy sự tự nguyện của ông T1 là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Xét hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất được giao kết ngày 15/12/2021 giữa ông G, bà P3 với bà P1, anh H5, anh H6 được thực hiện trên tinh thần thoả thuận và tự nguyện và số tiền 10.000.000đ ông G và bà P3 yêu cầu đã bỏ ra cải tạo đất, san lấp mặt bằng cho đất bằng phẳng để trồng lúa. Phần này các đương sự tham gia ký kết trong hợp đồng không có kháng cáo, nên không xem xét và có hiệu lực pháp luật.

[9] Từ những phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm cũng đã xem xét công sức đóng góp tôn tạo của bà P1 và chia thừa kế theo qui định pháp luật là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà P1. Tại phiên tòa người kháng cáo cũng không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gì mới để chứng minh cho việc kháng cáo. Vì vậy giữ nguyên bản án dân sự sơ của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là phù hợp.

Tại tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 294/2022/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là phù hợp với các phân tích trên.

[10] Đối với chi phí đo đạc, định giá tài sản, có tổng số tiền 17.796.000đ do ông T1 tạm ứng thanh toán cho cơ quan chuyên môn nên những người được hưởng thừa kế theo kỷ phần của mình phải chịu chi phí tương ứng và có nghĩa vụ trả lại cho ông T1 theo quy định tại Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể tổng diện tích 32.677,4m² với tổng chi phí 17.796.000đ, tức mỗi mét vuông khoảng 544đ. Ông T1 được nhận 3.175,1m² tương đương 1.728.000đ; gia đình ông D1 được nhận 3.176,7m² tương đương 1.728.000đ; ông H1 được nhận giá trị 3.173,8m² tương đương 1.727.000đ; ông T1ận được nhận giá trị 3.173,4m² tương đương 1.726.000đ; bà L được nhận giá trị 3.169,6m² tương đương 1.724.000đ; bà P1 được nhận 3.657,6m² tương đương 1.990.000đ; bà H4 được nhận 3.294,9m² tương đương 1.792.000đ; bà T3 được nhận 3.288,9m² tương đương 1.789.000đ; ông T5 được nhận 3.283m² tương đương 1.786.000đ; gia đình bà C được nhận 3.283,9m² tương đương 1.786.000đ. Trường hợp chi phí ông T1 đã thanh toán có phần chênh lệch thì ông T1 tự chịu.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà H4, bà L, bà T3, bà C, ông D1 thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được xét miễn cho các đương sự này theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà H4, bà C, ông D1 đã nộp tạm ứng án phí nên được hoàn lại. Các đương sự còn lại phải chịu án phí tương ứng với giá trị kỷ phần tài sản được nhận theo quy định của pháp luật. Căn cứ kết luận định giá thì giá đất ở nông thôn 240.000đ/m², đất vườn 40.000đ/m², đất lúa 30.000đ/m², giá vàng của Hội

Kim Hoàn Cà Mau công bố tại thời điểm xét xử đối với vàng 24K, giá mua vào là 5.200.000đ/chỉ.

[12] Án phí dân sự phúc thẩm: Do việc kháng cáo của bà Nguyễn Thị P1 không được chấp nhận, nên bà phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 294/2022/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Trần Chí G và bà Ngô Hồng P3, tuyên xử: Hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất được xác lập ngày 15/12/2021 giữa ông Trần Chí G, bà Ngô Hồng P3 với bà Nguyễn Thị P1, anh Lê Nhựt H2, anh Lê Nhựt H3 là vô hiệu.

2. Buộc ông Trần Chí G và bà Ngô Hồng P3 giao trả toàn bộ phần đất đã cầm cố của bà P1, anh H5, anh H6 cùng các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất cho các thừa kế của ông Lập và bà Lan để tiến hành phân chia di sản thừa kế theo pháp luật. Buộc bà Nguyễn Thị P1, anh Lê Nhựt H2, anh Lê Nhựt H3 có nghĩa vụ trả cho ông G và bà P3 100 chỉ vàng 24K.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông G và bà P3 đòi bà P1, anh H5, anh H6 trả số tiền 10.000.000đ.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng T1 và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Lê Thành Lập và bà Trần Thị Lan đối với phần đất có tổng diện tích 32.677,4m² theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 07/6/2022 của Công ty TNHH Một thành viên Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong, tại các thửa số 159, 160, tờ bản đồ số 13 và bản vẽ tách diện tích thửa đất ngày 11/11/2022, tại các thửa từ thửa 01 đến thửa 20, phần đất tọa lạc tại ấp Kinh Hăng A, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (kèm theo bản vẽ).

5. Buộc bà Nguyễn Thị P1, anh Lê Nhựt H2, anh Lê Nhựt H3 giao lại phần đất là di sản của ông Lập và bà Lan để phân chia thừa kế cho các thừa kế của ông Lập và bà Lan được thừa hưởng, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn D1, anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Ngọc D2, chị Nguyễn Mỹ H3 được nhận phần đất có tổng diện tích 3.176,7m² (thửa 1, 2), trong đó 1.188,4m² đất lập vườn; 2.058,3m² đất trồng lúa.

- Ông Lê Hoàng T1 được nhận phần đất có tổng diện tích 12.691,9m² (thửa 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10) trong đó 4.426,2m² đất lập vườn; 8.265,7m² đất trồng lúa.

- Ông Lê Văn H1 được nhận giá trị phần đất có tổng diện tích 3.173,8m² (giá trị thửa 5, 6) trong đó 1.108,8m² đất lập vườn; 2.065,5m² đất trồng lúa.

- Ông Lê Văn T2 được nhận giá trị phần đất có tổng diện tích 3.173,4m² (giá trị thửa 7, 8) trong đó 1.104,6m² đất lập vườn; 2.068,8m² đất trồng lúa.

- Bà Lê Thị L được nhận giá trị phần đất có tổng diện tích 3.169,6m² (giá trị thửa 9, 10) trong đó 1.100,2m² đất lập vườn; 2.069,4m² đất trồng lúa.

- Bà Nguyễn Thị P1, anh Lê Nhựt H2, anh Lê Nhựt H3 được nhận phần đất có tổng diện tích 3.657,6m² (thửa 11, 12), trong đó 300m² đất ở; 1.287,9m² đất lập vườn; 2.058,3m² đất trồng lúa và căn nhà kiên cố trên phần đất được nhận thừa kế.

- Bà Lê Thị H4 được nhận phần đất có tổng diện tích 3.294,9m² (thửa 13, 14), trong đó 1.224,8m² đất lập vườn; 2.070,1m² đất trồng lúa.

- Bà Lê Thị T3 được nhận phần đất có tổng diện tích 3.288,9m² (thửa 15, 16), trong đó 1.219,2m² đất lập vườn; 2.069,7m² đất trồng lúa.

- Ông Lê Văn T5 được nhận phần đất có tổng diện tích 3.283m² (thửa 17, 18), trong đó 1.214,2m² đất lập vườn; 2.068,8m² đất trồng lúa.

- Bà Nguyễn Thị C, anh Lê Trọng N, chị Lê Mỹ P2, chị Lê Diễm T4, anh Lê Văn D3, anh Lê Văn D4, chị Lê Thúy E được nhận phần đất có tổng diện tích 3.283,9m² (thửa 19, 20), trong đó 1.209,3m² đất lập vườn; 2.074,6m² đất trồng lúa.

6. Buộc ông Lê Hoàng T1 hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất là kỷ phần thừa kế cho: Bà Lê Thị L số tiền 106.090.000đ; ông Lê Văn T2 số tiền 106.248.000đ; ông Lê Văn H1 số tiền 106.317.000đ.

7. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Lê Hoàng T1 hoàn trả giá trị các cây trồng trên đất cho bà Nguyễn Thị P1 số tiền 35.629.000đ.

8. Buộc các đương sự có tên sau đây hoàn trả chi phí đo đạc và định giá cho ông T1 gồm: Ông D1 cùng các con ông D1 với bà T1 1.728.000đ; ông H1 1.727.000đ; ông T1 1.726.000đ; bà L 1.724.000đ; bà P1 1.990.000đ; bà H4 1.792.000đ; bà T3 1.789.000đ; ông T5 1.786.000đ; bà C cùng các con bà C với ông Ch 1.786.000đ. Chi phí còn lại ông T1 tự chịu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

9. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Xét miễn cho bà H4, bà T3, bà C, ông D1, bà L. Ngày 11/02/2022, bà H4 nộp tạm ứng 2.500.000đ, lai thu số 4378 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông T1 phải chịu 7.100.000đ, ngày 06/7/2021, ông T1 đã nộp tạm ứng án phí 20.445.000đ, lai thu số 5129 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu, ông T1 được hoàn lại 13.345.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà P1, anh H5, anh H6 phải chịu 34.080.000đ (chưa nộp). Anh N, chị Mỹ Phương, chị T4, anh D3, anh D4, chị T4 Em phải chịu 4.740.000đ, ngày 11/02/2022 đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000đ, lai thu số 4379 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu, nay

phải nộp tiếp 2.240.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh K, chị H2, chị D2, chị H3 phải chịu 4.260.000đ, ngày 16/3/2022 đã nộp tạm ứng án phí 2.333.000đ, lai thu số 4533 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đổi trừ chuyển thu, nay phải nộp tiếp 1.927.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông T5 phải chịu 5.531.000đ, ngày 11/02/2022 đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000đ, lai thu số 4377 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đổi trừ chuyển thu, nay phải nộp tiếp 3.031.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông T1ận phải chịu 5.312.000đ, ngày 17/3/2022 đã nộp tạm ứng án phí 2.408.000đ, lai thu số 4542 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đổi trừ chuyển thu, nay phải nộp tiếp 2.904.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông H1 phải chịu 5.315.000đ, ngày 17/3/2022 đã nộp tạm ứng án phí 2.408.000đ, lai thu số 4543 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đổi trừ chuyển thu, nay phải nộp tiếp 2.907.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông G và bà P3 phải chịu 500.000đ, ngày 12/8/2022 đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ, lai thu số 5290 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đổi trừ chuyển thu, nay phải nộp tiếp 200.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

10. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P1 phải nộp 300.000đ. Ngày 05/12/2022 đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000đ lai số 0005835 tại Chi cục thi hành án dân huyện Trần Văn Thời được chuyển thu sung quỹ nhà nước .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Hùng Quang